

**HỢP ĐỒNG GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN**  
**FORWARDING AND TRANSPORTATION SERVICE CONTRACT**

**Số: PMC-KIM CUONG/01Jan.2021**

**No: PMC-KIM CUONG/01Jan.2021**

**Hợp đồng Giao Nhận Và Vận Chuyển (“Hợp đồng”)** được ký tại thành phố Hồ Chí Minh ngày **01/01/2021**  
**Forwarding And Transportation Service Contract (“Contract”)** is sign in Ho Chi Minh City on **1<sup>st</sup> Jan 2021**

**GIỮA/BETWEEN:**

**Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHARMACITY**

**Party A: PHARMACITY PHARMACY JOINT STOCK COMPANY**

**Địa chỉ: 248A Nơ Trang Long, Phường 12, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**

**Address: 248A Nơ Trang Long St., Ward 12, Bình Thạnh District, Ho Chi Minh City**

**Điện thoại/Tel: 028 7307 6888 Fax (Fax):**

**Mã số thuế/Tax code: 0311770883**

**Tài khoản 0071000746706 tại Ngân hàng: Vietcombank Chi nhánh TP.HCM**

**Account No. 0071000746706 at Bank: Vietcombank – HCMC Branch**

**Đại diện theo ủy quyền/Authorization Representative: Bà/Mrs PHẠM THỊ THANH HOÀI**

**Chức vụ/Position: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị/ Chairwoman of Board**

**(Theo Giấy ủy quyền ngày 4 tháng 5 năm 2020 của ông CHRISTOPHER RANDY STROUD. –Đại diện theo pháp luật của Công ty)**

**(According to the Power of Attorney date May 4<sup>th</sup> 2020 of Mr. CHRISTOPHER RANDY STROUD. – Legal Representative of company)**

**(Sau đây gọi là: “Bên A”)**

**(Hereinafter referred to as “Party A”)**

**VÀ/AND:**

**Bên B: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN KIM CƯƠNG**

**Party B: DIAMOND SHIPPING COMPANY LIMITED**

**Địa chỉ: 98/18, Đường Cống Lở, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

**Address 98/18 Cong Lo Str., Ward 15, Tan Binh Dist, Ho Chi Minh City, Viet Nam.**

**Điện thoại/Tel: 028.39483831/2/3 Fax (Fax):**

**Mã số thuế/Tax code: 0311593987**

**Tài khoản/ Account No: 0251002678187 tại Ngân hàng Vietcombank**

**0251002678187 at Bank: Vietcombank**

Đại diện theo pháp luật/*Legal Representative* : Bà/Mrs **TRẦN THỊ KIM CƯƠNG**

Chức vụ/*Position*: Giám Đốc/*Director*

(Sau đây gọi là: “**Bên B**”)

(*Hereinafter referred to as “Party B”*)

Hai Bên cùng thoả thuận ký kết và thực hiện Hợp Đồng Giao Nhận & Vận Chuyển theo các điều khoản sau:

*The two Parties agree to sign and perform the Forwarding & Transportation Contract under the following terms:*

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

**ARTICLE 1: WORK CONTENT**

1.1 (“**Người đại diện**”) sau đây được hiểu là cán bộ- nhân viên hoặc người nào khác của Bên A hoặc Bên B được Bên A hoặc Bên B chỉ định để thực hiện các công việc liên quan được quy định cụ thể trong Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm. Thông tin Người đại diện sẽ được Các bên thỏa thuận cụ thể trong Phụ lục hoặc Văn bản xác nhận giữa Các bên.

*(“Representatives”) the following is understood to be employees or other persons of Party A or Party B designated by Party A or Party B to perform related tasks specified in the Contract and the Annexes attached. The Representative Information will be specifically agreed by the Parties in the Appendix or Written Confirmation between the Parties.*

1.2 Khi có thay đổi **Người đại diện**, Bên A hoặc Bên B sẽ thông báo và chỉ định lại Người đại diện bằng văn bản hoặc email có xác nhận của bên còn lại trước ba (03) ngày làm việc khi có sự thay đổi.

*When there is a change of the **Representative**, Party A or Party B will notify and reassign the Representative in writing or email with the confirmation of the other party before three (03) working days when there is a change.*

1.3 Bên A đồng ý cho Bên B làm các dịch vụ xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa và các dịch vụ khác của Bên A theo yêu cầu và chỉ định của **Người đại diện** thuộc Bên A.

*Party A agrees that Party B will perform necessary steps of stuffing & unstuffing, transportation of the goods and other services of Party A according to instruction from the **Representative** of Party A.*

1.4 Số lượng, khối lượng, trọng lượng, điểm nhận hàng, trả hàng: theo thông tin biên bản chi tiết bàn giao (“**Biên bản bàn giao**”) được ký xác nhận giữa Người đại diện của Bên A và Người đại diện của Bên B.

*Quantity, cbm, gross weight, pick up & delivery place: as per specific information showed on proof of delivery ("Handover minutes") is signed for certification between the representative of Party A and the representative of Party B.*

- 1.5 Hàng hoá phải đảm bảo an toàn trong quá trình giao nhận, vận chuyển.

*Goods should be kept in safety during forwarding & transportation process.*

- 1.6 Bên B sẽ được Bên A thông báo cụ thể địa điểm, thời gian nhận hàng, trả hàng tại nơi Bên A chỉ định trước khi tiến hành công việc.

*Party A will inform Party B specific time, receipt & delivery place before performing jobs.*

- 1.7 Hàng hóa được giao nhận theo phương thức kiểm đếm nguyên đai, nguyên kiện, theo hiện trạng bên ngoài của bao bì hàng hóa.

*Goods will be checked, counted and delivered or picked up in original status of the packing outside cargo.*

**ĐIỀU 2: HÀNG HOÁ**

**ARTICLE 2: GOODS**

- 2.1 Hàng hoá: Dược phẩm, mỹ phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác. Chi tiết do Bên A cung cấp trong bộ chứng từ Hóa đơn, Bảng kê chi tiết, Vận đơn ...) của từng lô hàng.

*Goods: Medicine, cosmetic and other consumer goods. Details will be furnished by Party A as its documents such as, Invoice, Packing list, Bill of lading, etc. of each shipment.*

- 2.2 Chi tiết về Hàng Hóa, phương thức bảo quản hoặc yêu cầu cụ thể cho mỗi loại hàng hóa và phương tiện vận chuyển sẽ được Các bên thỏa thuận trong các Phụ lục đính kèm.

*Details of the Goods, methods of storage or specific requirements for each type of goods and transport means shall be agreed by the Parties in the Attachments.*

**ĐIỀU 3: THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN**

**ARTICLE 3: TIME AND LOCATION OF IMPLEMENTATION**

- 3.1 Các Bên sẽ thỏa thuận cụ thể địa điểm, thời gian nhận hàng, trả hàng tại nơi Bên A chỉ định trong các Phụ lục đính kèm Hợp đồng.

*The Parties shall agree on a specific location, time of delivery and delivery at the place designated by Party A in the Annexes to the Contract.*

- 3.2 Khi có sự thay đổi về địa điểm, thời gian nhận hàng, trả hàng Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B hai (02) ngày làm việc bằng văn bản hoặc email xác nhận bởi Bên B.

*When there is a change of location, time of receiving, returning Party A will notify Party B in two (02) working days in advance written or verified by Party B.*



**ĐIỀU 4: CƯỚC PHÍ VÀ ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN****ARTICLE 4: FREIGHT CHARGES & PAYMENT TERMS**

4.1 Cước phí vận chuyển trọn gói theo phụ lục đính kèm. Cước phí nếu có thay đổi hoặc điều chỉnh phải được thông báo và xác nhận của Bên A bằng văn bản thì mới được áp dụng.

*Trucking/Freight charges are all-in rates as per enclosed annex. Charges that are changed or adjusted must be notified and confirmed by Party A in writing in order to be valid.*

4.2 Cước phí chỉ được điều chỉnh khi giá xăng dầu tăng/ giảm từ 10% trở lên theo các văn bản được Cơ Quan Nhà Nước công bố tại thời điểm phát sinh. Cước phí điều chỉnh sẽ được Bên B gửi thông báo và được sự xác nhận của Bên A, thông báo thể hiện cước phí điều chỉnh mới và công thức tính giá khi giá xăng dầu tăng/giảm 10%.

*Freight charges will only be revised if Diesel fee increase or decrease 10% according to documents published by State Agencies at the time of arising. The adjusted fee will be notified by Party B and confirmed by Party A, Notification shows the new adjusted fee and the price calculation formula when the petrol price increases / decreases by 10%..*

4.3 Bên B có trách nhiệm gửi bảng kê chi phí của các lô hàng cho Bên A căn cứ vào các **Biên bản bàn giao** của các Bên từ ngày một (01) đến ngày năm (05) hàng tháng để Bên A đối chiếu, xác nhận làm cơ sở thanh toán. Hai Bên sẽ xác nhận vào **Biên bản đối chiếu công nợ** để làm căn cứ cho việc thanh toán cước phí mỗi tháng.

*Party B is responsible for sending the list of expenses of the shipment to Party A based on the **Hand-over minutes** of the two Parties during the first (01) to the fifth (05) of each month for Party A's comparison, screening, confirmation as a basis for payment. The two sides will confirm in "**Debt reconciliation record**" as a basis for payment of freight each month.*

4.4 Bên A sẽ thanh toán cước phí cho Bên B trong vòng **bốn lăm (45) ngày** kể từ ngày Bên A nhận được hoá đơn GTGT cho khoản thanh toán này và **Biên bản đối chiếu công nợ** được xác nhận bởi hai Bên.

*Party A will pay freight charges within **forty-five (45) days** from the date Party A receives the VAT invoice for this payment and the **Debt reconciliation record** confirmed by both Parties.*

**ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN****ARTICLE 5: OBLIGATIONS OF EACH PARTY****5.1. Trách nhiệm của Bên A:****5.1. Obligations of Party A:**

- Thông báo kế hoạch vận chuyển hàng hoá (bằng văn bản) để Bên B bố trí đầy đủ phương tiện để vận chuyển một lần hết khối lượng hàng hóa.

*Advise Party B transportation plan for each shipment (in writing) so that Party B can arrange transportation method for whole cargoes at one time.*

- Chuẩn bị đầy đủ hàng hóa và giấy tờ hợp pháp để Bên B giao nhận và vận chuyển hàng hóa đảm bảo đúng tiến độ.

*Prepare sufficient cargo and legal docs for Party B to arrange shipments timely.*

- Đảm bảo điểm nhận và trả hàng thuận tiện cho phương tiện ra vào và hoạt động được.

*Ensure that the transportation vehicle can go in and out at the delivery point and that it can perform jobs.*

- Thanh toán đầy đủ đúng hạn cho Bên B theo Điều 4 của Hợp đồng.

*Settle payment timely to Party B as indicated in Article 4 of this Contract.*

## 5.2. Trách nhiệm của Bên B:

### 5.2. Obligations of Party B:

- Tiếp nhận kế hoạch, báo cáo cho Bên A thời gian và tiến độ vận chuyển (bằng văn bản hoặc điện thoại hoặc email), chuẩn bị đầy đủ phương tiện đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo đầy đủ giấy tờ cho các phương tiện vận chuyển được hoạt động theo đúng qui định pháp luật.

*Accept the plan, advise Party A the transportation time and progress (in writing or by tel or email), prepare all vehicles which meet technical requirement, ensure legal docs for truck's operation as stipulated by law.*

- Đảm bảo an toàn cho người và hàng hoá trong quá trình giao nhận, vận chuyển.

*Keep people and cargo in safety during forwarding and transportation process.*

- Chịu trách nhiệm gia cố, chằng buộc, trông giữ hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Trường hợp làm hư hỏng, mất mát hàng hóa trong quá trình vận chuyển, xếp dỡ hoặc bất cứ công việc nào khác mà hai Bên đã thỏa thuận thực hiện thì Bên B phải có trách nhiệm bồi thường 100% giá trị hàng hóa thiệt hại cho Bên A (căn cứ vào mức giá bán ra của Bên A).

*Be responsible for reinforcing, fastening, managing cargo during transportation process. If the cargo is damaged or lost during the transport process, loading or unloading or any other works agreed by the Parties Party B will compensate 100% of the goods loss or damage. (based on the selling price of Party A)*

- Đảm bảo vận chuyển hàng hóa đúng tiến độ theo thời gian Bên A yêu cầu. Nếu Bên B không vận chuyển hàng hóa theo đúng tiến độ, kế hoạch đã thỏa thuận thì Bên B phải chịu phạt 1% trên một ngày chậm trễ ngoài ra phải bồi thường mọi chi phí phát sinh do việc chậm trễ mà Bên B gây ra (trừ trường hợp bất khả kháng theo Điều 7), nhưng tổng giá trị phạt không vượt quá 8% (tám phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

*Arrange the transportation timely according to time required by Party A. If Party B fails to transport goods according to the agreed schedule, Party B will be fined 1% per a delay day in addition to compensation for all costs incurred due to Party B's delay (excluding force majeure as stipulated in Article 7); the total penalty amount shall not exceed 8% (eight percent) of the value of the contractual obligation being violated.*

- Tập hợp và bàn giao các chứng từ giao nhận có đầy đủ chữ ký và số điện thoại của người nhận hàng theo thời gian do Bên A yêu cầu.

*Collect & provide all PODs with signature & tel no. of the receivers within the timeframe as per Party A's request.*

- Thông báo ngay lập tức cho Bên A nếu có những thay đổi về thời gian, phương tiện, cách thức vận chuyển và các chi phí liên quan hoặc khi có sự cố xảy ra trong quá trình giao nhận, vận chuyển. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A nếu Bên B thông báo không kịp thời gây ra thiệt hại, mất mát về tài sản, hàng hóa của Bên A.

*Advise Party A immediately if there's any change in time, vehicle, transportation method and relative costs or any trouble happened in forwarding & transportation process. Party B is responsible for compensation for Party A if Party B fails to notify in time causing loss or damage of Party A.'s properties and goods.*

- Cung cấp hoá đơn tài chính VAT

*Issue VAT invoices to Party A*

- Bên B đảm bảo mọi đăng ký, giấy chứng nhận, sự cho phép, giấy phép và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện công việc quy định trong Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.

*Party B ensures any registration, certificate, permission, license or other requirements under the laws before carrying out any work as provided under this Contract and Appendixs.*

- Đảm bảo nhân viên của Bên B tuân theo toàn bộ chỉ dẫn, quy tắc hoạt động của Bên A tại địa điểm giao nhận hàng;

*Ensure that its staffs shall comply with all the guidances, rules of the operation of Party A at the shipping point;*

- Tự chịu trách nhiệm về vấn đề an toàn lao động đối với nhân viên của Bên B. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kì thiệt hại nào.

*Be responsible for labor safety of all of Party B's staff. Party A shall not take liabilities for any damages.*



- Bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh đối với các trang thiết bị mà Bên A cung cấp cho Bên B để thực hiện dịch vụ (nếu có).

*Compensate Party A for all the damages of tools and materials provided by Party A for this agreement performance (if any).*

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trực tiếp làm việc với cơ quan nhà nước các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dịch vụ quy định trong Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.

*Take full liabilities under the laws and work directly with competent authorities on all the matters relating to the service implement as stated in this Contract and Appendixs.*

- Chuẩn bị các công cụ, vật liệu và phương tiện cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ giao nhận vận chuyển.

*Prepare tools, materials and facilities necessary for delivery, transportation services.*

- Chịu trách nhiệm, bảo đảm và giữ cho Bên A tránh khỏi mọi tổn thất và khiếu nại về sức khỏe hoặc thiệt hại đối với bên thứ ba hoặc bất kỳ tài sản nào của bên thứ ba là kết quả của việc cung cấp dịch vụ theo Hợp Đồng này và các Phụ lục đính kèm.

*Be responsible for and indemnify Party A from and against all of losses and claims for health or damages to any third parties or any losses of property of third parties which may result from the supply of service under this Contract and Appendixs.*

- Trong thời gian thực hiện dịch vụ vận chuyển cho Bên A, Bên B không được phép vận chuyển hàng hóa của đối tác khác hoặc chuyên chở các hàng hóa bị cấm hoặc hạn chế chuyên chở theo quy định của pháp luật.

*During the time implementing the Transportation Services for Party A, Party B shall not be allowed to transport goods of other parties or deliver the Goods which are prohibited or limited to be transported as required by laws.*

- Bên A có quyền không tiến hành thanh toán chi phí vận chuyển cho Bên B nếu Bên B thực hiện không đúng trách nhiệm của Bên B được quy định tại Hợp đồng này, đồng thời có toàn quyền khấu trừ trực tiếp (i) các khoản tiền phạt do Bên B vi phạm Hợp đồng và/hoặc (ii) các khoản bồi thường, vào các khoản tiền mà Bên A phải thanh toán cho Bên B.

*Party A will not pay transportation costs to Party B if Party B fails to comply with Party B's obligations specified in this Contract, and reserves the right to deduct directly (i) the penalty*

*amount due to Party B's breach of this Contract and/or (ii) the indemnity, into the amount payable by Party A to Party B.*

- Bên B cam kết không chi cho các khoản hối lộ (bao gồm khoản chi cho việc tạo điều kiện hay cả “chi phí bôi trơn” cho công việc) cho bất kỳ bên nào liên quan đến Hợp đồng này. Bên B đồng ý thông báo kịp thời cho Bên A khi phát hiện bất kỳ trường hợp nào mà nhân viên của Bên A không tuân thủ bất kỳ quy định nào của Điều này.

*Party B ensures to not make any payment of bribes (including so-called "facilitation" or "grease" payments) to any parties relating to or in connection with this Contract. Party B agrees to promptly notify Party A of any cases which are not complied with any provisions of this Article by Party A's employees.*

## **ĐIỀU 6: BẢO MẬT THÔNG TIN**

### **ARTICLE 6: CONFIDENTIAL**

- 6.1 Bên B phải xem tất cả các thông tin được cung cấp bởi Bên A (được cung cấp một cách trực tiếp hoặc gián tiếp cho Bên B và được Bên B phát triển thêm trong khi thực hiện Hợp đồng này), bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bên A, thương hiệu Pharmacity và các nhãn hiệu riêng khác của Bên A, là tài sản của Bên A. Bên B không được phép tiết lộ và/hoặc sử dụng các thông tin nói trên cho bất kỳ mục đích gì trừ khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

*Party B shall consider all information which is provided by Party A (which is directly or indirectly provided to Party B or is developed further by Party B during the implementation of this Contract), including but not limited to the information relating to all business activities of Party A, Pharmacity trademark and other Party A's Own Brands. Party B is not permitted to use such information for any purpose without prior written approval of Party A.*

- 6.2 Bên B phải đảm bảo nhân viên của mình, nhà thầu phụ hoặc bên thứ ba mà Bên B sử dụng dịch vụ cũng phải tuân thủ nghĩa vụ bảo mật được quy định tại Điều này.

*Party B must ensure that its employees, subcontractors or third parties providing service to Party B must also comply with confidentiality obligations prescribed in this Article.*

- 6.3 Sự hạn chế được đề cập tại Điều 6.1 và 6.2 của Hợp đồng này được áp dụng trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này và ngay cả sau khi Hợp đồng này hết hiệu lực mà không bị giới hạn về thời gian.

*The restriction in the Article 6.1 and 6.2 hereof shall be applied during and after termination of this Contract without any time limit.*



6.4 Trong trường hợp có bất kỳ vi phạm nào về nghĩa vụ bảo mật được quy định tại Điều này, Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A.

*If there is any breach of confidentiality obligations as specified in this Article, Party B shall be responsible for compensation for all damages to Party A.*

## **ĐIỀU 7: SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG**

### **ARTICLE 7: FORCE MAJEURE**

7.1 Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra ngoài dự kiến cũng như ngoài tầm kiểm soát hợp lý của một trong Các Bên hoặc Các Bên khiến cho một trong Các Bên hoặc Các Bên không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn thiên tai (bao gồm, nhưng không giới hạn lụt lội, bão, động đất), chiến tranh (dù đã được tuyên bố hay không), dịch bệnh, chiến sự, nội chiến, xung đột, các hoạt động quân sự để chuẩn bị hoặc là hậu quả của chiến tranh, khủng bố, hoạt động thù địch, giao tranh địa phương, bất hòa dân tộc, nổi loạn, bạo động, cấm vận, đình công, cháy nổ, hoạt động của chính phủ hoặc thay đổi chính sách.

*Force Majeure event means any event beyond the prediction and reasonable control of either Party or the Parties which prevents such Party or the Parties from carrying out any of its/their obligations hereunder including but not limited to natural disasters (including, but not limited to, flood, storm, earthquake), war (whether declared or not), disease, hostilities, civil war, war-like activities, military operations preparatory or consequential to war, terrorist activities, acts of republic enemies, local skirmishes, civil strife, riots, lockouts, civil commotions, strikes, fires, government actions or change of regulations.*

7.2 Nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng:

*Obligations of the Party affected by Force Majeure event:*

(i) Trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, thông báo ngay cho Bên còn lại về sự kiện bất khả kháng;

*Within 48 (forty eight) hours, to notify the other Party of the Force Majeure event.*

(ii) Trong vòng 07 (bảy) ngày, phải cung cấp cho Bên còn lại bằng chứng để chứng minh về sự kiện bất khả kháng.

*Within 07 (seven) days, to provide the other Party with the proof proving the Force Majeure event.*

7.3 Quyền lợi của Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng:

*Rights of the Party affected by Force Majeure event:*

- (i) Được miễn hoặc hoãn thi hành nghĩa vụ trong một thời gian tương ứng với thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng cộng với thời gian cần thiết khắc phục hậu quả do sự kiện Bất khả kháng gây ra. Tuy nhiên nếu thời gian này kéo dài quá 30 (ba mươi) ngày thì một Bên có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng.

*To be waived from implementing its obligations and is allowed to delay in implementing its obligations for a time-limit equivalent to the time such Party is affected by Force Majeure event plus a necessary time-limit for rectifying the effect of Force Majeure event. However, if this time-limit is more than 30 (thirty) days, either Party shall be entitled to terminate this Contract.*

- (ii) Không phải thanh toán các thiệt hại nếu như việc chậm trễ trong thực hiện hoặc không thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng là hậu quả của một sự kiện bất khả kháng.

*Not to pay for the damages in case the delay in implementing its contractual obligations or non-implementation of its contractual obligations is a result of Force Majeure event.*

## **ĐIỀU 8: HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

### **ARTICLE 8: EFFECTIVENESS AND TERMINATION OF THE CONTRACT**

8.1 Hợp đồng này có **hiệu lực hai (02) năm** kể từ ngày ký và chấm dứt khi Các Bên hoàn thành xong quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng và (các) Phụ lục.

*This Contract shall be valid for two (02) years from the date of signing and being terminated when the Parties complete their rights and obligations in accordance with the Contract and the Appendix(es).*

8.2 Hợp đồng này có thể chấm dứt trước thời hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

*This Contract can be early terminated in case of the following:*

- a. Mỗi Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng này trước thời hạn sau khi đã gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước ba mươi (30) ngày; hoặc

*Either Party has the right to early terminate this Contract after sending a 30-day prior written notice to the other Party; or*

- b. Bên B vi phạm nghiêm trọng các quy định của Hợp đồng này và đã không khắc phục các vi phạm đó trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A; hoặc

*Party B commits a material breach of this Contract without rectifying within five (05) working days as from the date receiving the written notice on rectification from the Party A; or*

- c. Bên B rơi vào tình trạng không có khả năng thanh toán, hoặc có thủ tục phá sản nào được bắt đầu tiến hành bởi hoặc để chống lại Bên B; hoặc

*Party B is unable to pay, or any bankruptcy proceedings commenced by or against the Party B; or*

- d. Bên B bị giải thể hoặc thanh lý; hoặc

*Party B is dissolved or liquidated; or*

- e. Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này.

*In case of force majeure event provided in Article 7 of this Contract.*

- 8.3 Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng này vì bất kỳ lý do nào, Bên B có nghĩa vụ hoàn trả ngay lập tức toàn bộ chi phí đã được Bên A thanh toán trước (nếu có) cho các chi phí vận chuyển chưa thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng không đạt yêu cầu của Bên A.

*In the event of termination of this Contract for any reasons, Party B has the responsibility to immediately reimburse to Party A the amount which has been paid for transportation service (if any) which has not yet done or done but not been accepted by Party A.*

## **ĐIỀU 9: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

### **ARTICLE 9: GOVERNING LAW AND DISPUTE SETTLEMENT**

- 9.1 Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

*This Contract will be governed by the laws of Vietnam.*

- 9.2 Trong trường hợp một trong Các Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng và việc vi phạm này không được sửa chữa thỏa mãn yêu cầu của Bên kia trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày được Bên kia thông báo về việc vi phạm này, Bên vi phạm phải:

*In case either Party is in default of performance of any of its obligations under this Agreement and that default has not been rectified to the satisfaction of the other Party within 7 (seven) days from the date that such Party receives the notification of breach from the non-defaulting Party, then the defaulting Party shall have to:*

- (i) Trả cho Bên bị vi phạm một khoản tiền phạt tương đương 8% giá trị của phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm; và

*Pay the non-defaulting Party a penalty equal to 8% (eight percent) of the contract value being violated; and*



- (ii) Bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải gánh chịu do hành vi vi phạm của Bên vi phạm gây ra.

*Compensate the non-defaulting Party for the total damages caused by the breach of any contractual obligations of the defaulting Party.*

- 9.3 Các Bên sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp một cách thiện chí thông qua thương lượng. Nếu không đạt được thỏa thuận về cách giải quyết tranh chấp thì sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, một trong Các Bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền nơi Bên A đặt trụ sở chính để giải quyết.

*The Parties shall use their efforts to settle the dispute through negotiation. In case no agreement for the dispute resolution is reached, either Party may, after 30 (thirty) days from the occurrence of the dispute, submit it to the competent court where Party A's head office is located for resolution.*

## **ĐIỀU 10: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

### **ARTICLE 10: GENERAL PROVISIONS**

- 10.1 Mọi bổ sung, sửa đổi đối với Hợp đồng này chỉ có hiệu lực và có giá trị thi hành nếu được lập bằng văn bản và được ký bởi Các Bên.

*Any amendment, supplementation to this Contract shall not be effective unless being made in writing and signed by the Parties.*

- 10.2 Mọi thông báo hoặc yêu cầu do một Bên gửi theo Hợp đồng này sẽ được lập thành văn bản.

*Any notice or request by a Party to be sent along with this Contract shall be made in writing.*

- 10.3 Hợp đồng này bao gồm (các) Phụ Lục đính kèm cấu thành toàn bộ thỏa thuận của Các Bên liên quan đến nội dung của Hợp đồng này.

*This Contract, including its Appendix(es) hereto, constitutes the entire agreement between the Parties relating to the subject matter hereof.*

- 10.4 Bên B không được chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ theo Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

*Party B shall not transfer any rights or obligations under this Contract to any third parties without prior written consent of Party A.*

- 10.5 Bên B sẽ không được ký hợp đồng phụ về việc cung cấp dịch vụ trừ trường hợp có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A.

*Party B shall not sign any subcontract for supplying of the service without prior written consent of Party A.*

- 10.6 Trong trường hợp có bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này bị các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố là vô hiệu, thì Các Bên sẽ thảo luận, thỏa thuận và thay thế điều khoản vô hiệu đó bằng điều khoản mới có hiệu lực theo pháp luật Việt Nam và phù hợp để các lợi ích và quyền lợi của Các Bên theo Hợp đồng này được đảm bảo.

*In case any provision of this Contract is deemed to be invalid by declaration of Vietnam's authority, the Parties shall discuss, agree and replace that invalid provision by a new valid one in accordance with Vietnamese laws to ensure the benefits and rights of the Parties under this Contract.*

- 10.7 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản gốc song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, có giá trị như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản gốc. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa tiếng Việt và tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

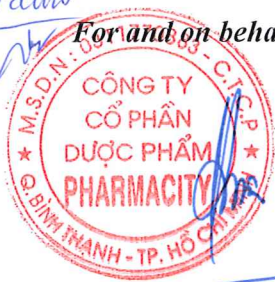
*This Contract is executed in four (04) bilingual original copies in English and Vietnamese, having equal validity. Each Party keeps 02 (two) original copies. In the event of any conflict between the Vietnamese and English, the Vietnamese contents shall prevail.*

**ĐỂ LÀM BẰNG CHỨNG**, đại diện có thẩm quyền của Các Bên ký vào Hợp đồng này vào ngày tháng năm được ghi ở trên.

*IN THE WITNESS WHEREOF, the Parties' duly authorized representatives have signed this Contract on the day, month and year first above written.*

Thay mặt và Đại diện Bên A/

For and on behalf of Party A



**PHẠM THỊ THANH HOÀI**  
Chủ tịch HĐQT/Chairwoman of the Board

Thay mặt và Đại diện Bên B/

For and on behalf of Party B



**TRẦN THỊ KIM CƯƠNG**  
Giám đốc/Director





**HỒ SƠ VỀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN  
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ**

**1. Giấy chứng nhận đăng kí ô tô**

Tên chủ xe (Owner's full name):  
**CTY TNHH VT BIÊN KIM CƯƠNG**

Địa chỉ (Address):  
**98/18 Công Lờ P.15 Q.TB**

Nhãn hiệu (Brand): **ISUZU**

Loại xe (Type): **Tải động lạnh**

Màu sơn (Color): **Trắng**

Tải trọng: Hàng hoá: **1950** kg; Số chỗ ngồi (Sit): **3** đứng (Stand): **nằm (Lie):**

Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): **31/12/2045**

Hồ Chí Minh, ngày (date) **03** tháng **08** năm **2020**

Biển số đăng ký (N° Plate) (V)  
**50H-000.57**

Đăng ký lần đầu ngày:  
Date of first registration  
**03/08/2020**

Số máy (Engine N°): **118M09**

Số khung (Chassis N°): **R77HLV101134**

Số loại (Model code) **QKR77HE4**

Dung tích (Capacity): **2999**

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Trung tá Nguyễn Văn Bình**

Tên chủ xe (Owner's full name):  
**CTY TNHH VT BIÊN KIM CƯƠNG**

Địa chỉ (Address):  
**98/18 Công Lờ P15 Q.Tân Bình**

Nhãn hiệu (Brand): **ISUZU**

Số máy (Engine N°): **124J34**

Số khung (Chassis N°): **RLE1KR77HLV102071**

Màu sơn (Color): **Xanh**

Hoạt động trong phạm vi:

Biển số đăng ký (N° plate) (V)  
**50H-011.93**

Giá trị đến ngày (Date of expiry): **31/12/2045**

Số loại (Model code): **QKR77HE4**

Số chỗ ngồi (Sit): **3**

Hồ Chí Minh, ngày **06** tháng **03** năm **2021**

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Thượng tá Nguyễn Hữu Thông**



Tên chủ xe (Owner's full name):  
CTY TNHH VT BIÊN KIM CƯƠNG

Địa chỉ (Address):

98/18 Công Lờ P15 Q.Tân Bình

Nhãn hiệu (Brand): ISUZU

Số loại (Model code): QKR77HE4

Số máy (Engine N°): 124B27

Số khung (Chassis N°): RLE1KR77HILV102044

Màu sơn (Color): Xanh

Số chỗ ngồi (Sit): 3

Hoạt động trong phạm vi:

Biển số đăng ký

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2021

(N° plate)

(V)

50H-012.69

Giá trị đến ngày

(Date of expiry): 31/12/2045

TRƯỜNG PHÒNG  
Thượng tá Nguyễn Hữu Thông



Tên chủ xe (Owner's full name):

CTY TNHH VT BIÊN KIM CƯƠNG

Số máy (Engine N°):

118L95

Địa chỉ (Address):

98/18 Công Lờ P.15 Q.TB

Số khung (Chassis N°):

R77HLV101133

Nhãn hiệu (Brand): ISUZU

Số loại (Model code): QKR77HE4

Loại xe (Type): Tải động lạnh

Dung tích (Capacity): 2999

Màu sơn (Color): Trắng

Tải trọng: Hàng hoá: 1950

kg; Số chỗ ngồi (Sit): 3

đứng (Stand):

nằm (Lie):

Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): 31/12/2045

Hồ Chí Minh, ngày (date) 03 tháng 08 năm 2020

Biển số đăng ký (N°Plate) (V)

TRƯỜNG PHÒNG

50H-000.33

Đăng ký lần đầu ngày:


Date of first registration

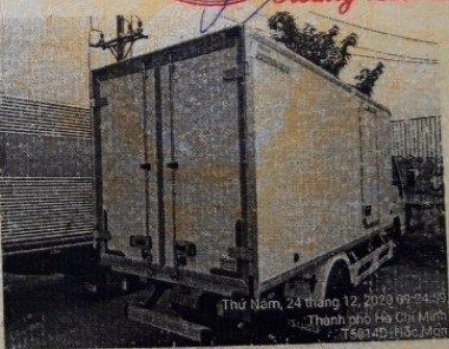
03/08/2020

TRƯỜNG PHÒNG  
Trung tá Nguyễn Văn Bình



## 2. Giấy chứng nhận đăng ký kiểm định

<b>I. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)</b> Biển đăng ký: 50H-000.57      Số quản lý: 6001S-126120 (Registration Number)      (Vehicle Inspection No.) Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (động lạnh) Nhân hiệu: (Mark) ISUZU Số loại: (Model code) QKR77HE4 - QUYEN AUTO.DLAS Số máy: (Engine Number) 118M09 Số khung: (Chassis Number) RLE1KR77HLV101134 Năm, Nước sản xuất: 2020, Việt Nam      Niên hạn SD: 2045 (Manufactured Year and Country)      (Lifetime limit to) Kinh doanh vận tải (Commercial Use) <input checked="" type="checkbox"/> Cải tạo (Modification) <input type="checkbox"/>		Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle) 1: 2; 7.00-15 2: 4; 7.00-15 Đồng Nai, ngày 4 tháng 8 năm 2020 (Issued on: Day/Month/Year) Số phiếu kiểm định (Inspection Report No.) 6001S-28347/20 Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) 03/08/2022 TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CŨ GIỚI ĐỒNG NAI ĐƠN VI KIỂM ĐỊNH (INSPECTION CENTER) GIÁM ĐỐC Dương Việt Hồng
<b>2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)</b> Công thức bánh xe: 4x2      Vết bánh xe: 1385/1425 (mm) (Wheel Formula)      (Wheel Tread) Kích thước bao: (Overall Dimension) 6110 x 1870 x 2850 (mm) Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension) 4220x1720x1780 (mm) Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 3360 (mm) Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 2805 (kg) Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 1950/1950 (kg) (Design/Authorized payload) Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 4950/4950 (kg) (Design/Authorized total mass) Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg) (Design/Authorized towed mass) Số người cho phép chở: 3 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm (Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place) Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2999 (cm3) Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 77(kW)/3200vph Số sê-ri: (No.) KD-3565652      2722A82615		Hình ảnh xe tải:  Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph) <input checked="" type="checkbox"/> Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued) <input type="checkbox"/> Ghi chú: Biển đăng ký nền vàng

<b>I. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)</b> Biển đăng ký: 50H-011.93      Số quản lý: 5014D-012017 (Registration Number)      (Vehicle Inspection No.) Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (động lạnh) Nhân hiệu: (Mark) ISUZU Số loại: (Model code) QKR77HE4 - QUYEN AUTO.DLAS Số máy: (Engine Number) 124J34 Số khung: (Chassis Number) RLE1KR77HLV102071 Năm, Nước sản xuất: 2020, Việt Nam      Niên hạn SD: 2045 (Manufactured Year and Country)      (Lifetime limit to) Kinh doanh vận tải (Commercial Use) <input checked="" type="checkbox"/> Cải tạo (Modification) <input type="checkbox"/>		Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle) 1: 2; 7.00-15 2: 4; 7.00-15 TP. HCM, ngày 20 tháng 12 năm 2020 (Issued on: Day/Month/Year) Số phiếu kiểm định (Inspection Report No.) 5014D-26029/20 Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) 23/12/2022 TR. HCM ĐƠN VI KIỂM ĐỊNH (INSPECTION CENTER) CHI NHÁNH ĐỒNG NAI DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐỨC MINH KHANG P. Giám Đốc Hoàng Tuấn Lưu
<b>2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)</b> Công thức bánh xe: 4x2      Vết bánh xe: 1385/1425 (mm) (Wheel Formula)      (Wheel Tread) Kích thước bao: (Overall Dimension) 6110 x 1870 x 2850 (mm) Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension) 4220x1720x1780 (mm) Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 3360 (mm) Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 2805 (kg) Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 1950/1950 (kg) (Design/Authorized payload) Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 4950/4950 (kg) (Design/Authorized total mass) Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg) (Design/Authorized towed mass) Số người cho phép chở: 3 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm (Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place) Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2999 (cm3) Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 77(kW)/3200vph Số sê-ri: (No.) KD-4955771      386263255		Hình ảnh xe tải:  Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph) <input checked="" type="checkbox"/> Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued) <input type="checkbox"/> Ghi chú: Biển đăng ký nền vàng




**PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)**  
 Biện đăng ký: 50H-012.69 (Registration Number)  
 Số quản lý: 5014D-012062 (Vehicle Inspection No.)  
 Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (động lạnh)  
 Nhân hiệu: (Mark) ISUZU  
 Số loại: (Model code) QKR77HE4-QUYEN AUTO.DLAS  
 Số máy: (Engine Number) 124B27  
 Số khung: (Chassis Number) RLE1KR77HLV102044  
 Năm, Nước sản xuất: 2020, Việt Nam  
 (Manufactured Year and Country)  
 Niên hạn SD: 2045 (Lifetime limit to)  
 Kinh doanh vận tải (Commercial Use)  Cải tạo (Modification)

**2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)**  
 Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1385/1425 (mm)  
 (Wheel Formula) (Wheel Tread)  
 Kích thước bao: (Overall Dimension) 6110 x 1870 x 2850 (mm)  
 Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension)  
 4220x1720x1780 (mm)  
 Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 3360 (mm)  
 Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 2805 (kg)  
 Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 1950/1950 (kg)  
 (Design/Authorized pay load)  
 Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 4950/4950 (kg)  
 (Design/Authorized total mass)  
 Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)  
 (Design/Authorized towed mass)  
 Số người cho phép chở: 3 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm  
 (Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)  
 Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel  
 Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2999 (cm<sup>3</sup>)  
 Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 77(kW)/3200vph  
 487173255  
 Số sê-ri: (No.) KD-4955898

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)  
 1: 2; 7.00-15  
 2: 4; 7.00-15

Số phiếu kiểm định (Inspection Report No.)  
 5014D-26173/20  
 Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) 24/12/2022

TP. HCM, ngày 25 tháng 12 năm 2020 (Issued on: Day/Month/Year)  
 ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH (INSPECTION CENTER)  
 TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI ĐỒNG NAI  
 DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐỨC MINH KHUÊ  
 Giám Đốc Hoàng Tuấn Lưu



Thủ Sưu: 25 tháng 12, 2020 08:36:16  
 Thành phố Hồ Chí Minh  
 T5013D, Hố Mỏn

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)   
 Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)   
 Ghi chú: Biện đăng ký nền vàng


**1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)**  
 Biện đăng ký: 50H-000.33 (Registration Number)  
 Số quản lý: 6001S-126119 (Vehicle Inspection No.)  
 Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (động lạnh)  
 Nhân hiệu: (Mark) ISUZU  
 Số loại: (Model code) QKR77HE4 - QUYEN AUTO.DLAS  
 Số máy: (Engine Number) 118L95  
 Số khung: (Chassis Number) RLE1KR77HLV101133  
 Năm, Nước sản xuất: 2020, Việt Nam  
 (Manufactured Year and Country)  
 Niên hạn SD: 2045 (Lifetime limit to)  
 Kinh doanh vận tải (Commercial Use)  Cải tạo (Modification)

**2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)**  
 Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1385/1425 (mm)  
 (Wheel Formula) (Wheel Tread)  
 Kích thước bao: (Overall Dimension) 6110 x 1870 x 2850 (mm)  
 Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension)  
 4220x1720x1780 (mm)  
 Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 3360 (mm)  
 Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 2805 (kg)  
 Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 1950/1950 (kg)  
 (Design/Authorized pay load)  
 Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 4950/4950 (kg)  
 (Design/Authorized total mass)  
 Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)  
 (Design/Authorized towed mass)  
 Số người cho phép chở: 3 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm  
 (Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)  
 Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel  
 Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2999 (cm<sup>3</sup>)  
 Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 77(kW)/3200vph  
 2623482615  
 Số sê-ri: (No.) KD-3565651

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)  
 1: 2; 7.00-15  
 2: 4; 7.00-15

Đồng Nai, ngày 4 tháng 8 năm 2020 (Issued on: Day/Month/Year)  
 Số phiếu kiểm định (Inspection Report No.)  
 6001S-28348/20  
 Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) 03/08/2022

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI ĐỒNG NAI  
 ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH (INSPECTION CENTER)  
 Giám Đốc Dương Việt Hoàn



04/08/2020 01:34

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)   
 Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)   
 Ghi chú: Biện đăng ký nền vàng